TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH Q	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 12/2020/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 06 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1986.

Nơi ĐKHK: Phố M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Đường CMT8, khu phố 10, thị trấn D, huyện P, tỉnh K.

Bị đơn: Chị Lê Thị Thu T2 sinh năm 1988.

Nơi ĐKHK: Phố M, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

Nơi cư trú: Phố Hoàng Văn T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Q.

Căn cứ Khoản 1, 2 Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55; Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị Thu T2.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* *Về con chung:* Anh Nguyễn Anh T và chị Lê Thị Thu T2 có 01 con chung là Nguyễn Hà L, sinh ngày 05 tháng 01 năm 2014. Chị T2 trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị T2.

* *Về tài sản chung và khoản nợ chung:* Không có.

* *Về án phí:* Anh Nguyễn Anh T tự nguyện chịu án phí sơ thẩm 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0008449 ngày 11/12/2019 của Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Đ; Trả lại cho anh T 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn lại.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND nơi các đương sự đăng ký kết hôn;
- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Q;
- Chi cục THADS H.Đ;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

ĐÃ ký

Trần Thị Thu Nga